TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7-HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 714/2026/HNGĐ-ST
Ngày 09/6/2026
" V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Viết Hồng

Ông Lê Đình Khoát

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *khu vực 7- Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Ninh-Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 550/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc " Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1992, có mặt
Địa chỉ: Bản Chang, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng

2.Bị đơn : Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1980, vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Ấ, xã Q, thành phố Hà Nội.
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V-Bộ C.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N là ông Nguyễn Văn T-Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/5/2026 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nông Thị N trình bày:

-Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Nguyễn Bá H lấy nhau có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2013 tại UBND xã M, huyện M, thành phố Hà Nội (nay là xã Q, thành phố Hà Nội).

Sau khi cưới xong, chị về gia đình anh H làm dâu ngay, vợ chồng ở chung cùng với gia đình anh H.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng sống không có tiếng nói chung, luôn bất đồng quan điểm. Năm 2017 anh H bị xử phạt tù chung thân về tội " Giết người". Hiện anh H đang chấp hành án tại Trại giam V. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn tình yêu thương nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

-Về con: Vợ chồng có 2 con chung là Nông Diệu M, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 05/01/2017. Hiện hai cháu đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị xin được nuôi cả hai con và tự chị đảm nhiệm việc nuôi con.

-Về tài sản, công sức, công nợ, đất sản nông nghiệp: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại lời khai ngày 20/5/2026, bị đơn là anh Nguyễn Bá H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn như chị N trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2017 thì do anh phạm tội bị bắt giam nên tình cảm vợ chồng rạn nứt. Kể từ ngày anh phải đi chấp hành án tại Trại giam V, chị N thời gian đầu thỉnh thoảng có đến thăm sau đó thì chị N không đến nữa, chị đã chuyển khẩu hai con về Cao Bằng sinh sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi hai con và anh xin tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con vì hiện nay anh đang phải chấp hành án nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con cho chị N.

Về tài sản, công sức, công nợ, đất sản xuất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị N trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N cho chị N được ly hôn anh

H. Giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và tự chị đảm nhiệm việc nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử:

+Về hôn nhân: Cho chị Nông Thị N được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

+Về con chung: Giao hai con chung là Nông Diệu M, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 05/01/2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng . Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H1 đến khi nào anh có điều kiện hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

+Về tài sản, công sức, nợ, đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+Về án phí: Chị N được miễn nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7-Hà Nội, Tòa án nhân dân khu vực 7-Hà Nội nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

-Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Bá H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thị N và anh Nguyễn Bá Hòa kết H2 với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2013 tại UBND xã M, huyện M, thành phố Hà Nội (nay là xã Q, thành phố Hà Nội). Do vậy, cuộc hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong cuộc sống vợ chồng sống không thông

cảm cho nhau, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau. Tại phiên tòa chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn. Đối với anh H, tại phiên tòa vắng mặt nhưng quá trình điều tra anh cũng thừa nhận vợ chồng anh chị chung sống với nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh xác định tình cảm vợ chồng đến nay cũng không còn tình yêu thương, chị N xin ly hôn anh đồng ý. Như vậy có thể thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung:

Vợ chồng anh chị có 2 con chung là Nông Diệu M, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 05/01/2017. Hiện hai cháu đang ở ổn định với chị N, điều kiện học hành, sức khỏe của các cháu đều được đảm bảo. Mặt khác xét hiện nay anh H đang phải chấp hành án tại Trại giam V nên thấy cần giao hai cháu cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi nào anh có điều kiện hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

[3] Về tài sản, công sức, nợ, đất sản xuất nông nghiệp: Chị N, anh H không đề nghị giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Do chị N là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng), sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên căn cứ theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho Nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28,35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điêm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về hôn nhân: Cho chị Nông Thị N được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

2.Về con chung: Giao hai con chung là Nông Diệu M, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 05/01/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi nào anh có điều kiện hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, chị N không được cản trở.

3.Về tài sản, công sức, nợ, đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị N được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho Nhà nước, chị được hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0011311 ngày 12/5/2026.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị N được quyền kháng cáo. Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Hồng **Lê Đình Khoát** **Nguyễn Thị Thu Hằng**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7-HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09h30 ngày 09 tháng 6 năm 2026

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7- Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H3

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Lê Đình K1

Ông Lê Viết H4

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 550/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 về việc " Ly hôn" giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nông Thị N, sinh năm 1992, có mặt
Địa chỉ: Bản Chang, xã Hạnh Phúc, tỉnh Cao Bằng

2.Bị đơn : Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1980, vắng mặt
Địa chỉ: Thôn Ấ, xã Q, thành phố Hà Nội.
Hiện đang chấp hành án tại Trại giam V-Bộ C.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

I.Về điều luật áp dụng: 3/3 ý kiến biểu quyết:

Căn cứ các Điều 28,35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51,56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

II.Xử: 3/3 ý kiến biểu quyết:

1.Về hôn nhân: Cho chị Nông Thị N được ly hôn anh Nguyễn Bá H.

2.Về con chung: Giao hai con chung là Nông Diệu M, sinh ngày 27/11/2012 và Nguyễn Bá K, sinh ngày 05/01/2017 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến

khi nào anh có điều kiện hoặc có quyết định khác có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, chị N không được cản trở.

3.Về tài sản, công sức, nợ, đất sản xuất nông nghiệp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4.Về án phí: Chị N được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm cho Nhà nước, chị được hoàn lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo Biên lai số 0011311 ngày 12/5/2026.

5.Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị N được quyền kháng cáo. Anh H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút, ngày 09 tháng 6 năm 2026.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Lê Viết Hồng Lê Đình K1	**Nguyễn Thị Thu H3**